CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2023

I. Bảng cân đối kế toán

TT	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022
I	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**351.572.625.136**	**345.285.295.381**
1	Tiền và tương đương tiền	21.893.719.431	60.729.053.970
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	20.000.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	318.795.337.718	255.058.850.785
4	Hàng tồn kho	10.309.975.518	8.989.820.802
5	Tài sản ngắn hạn khác	573.592.469	507.569.824
II	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**1.004.908.801.970**	**1.133.711.398.477**
1	Các khoản phải thu dài hạn	54.700.000	54.700.000
2	Tài sản cố định	923.569.414.035	1.051.195.769.405
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Tài sản dở dang dài hạn	2.963.612.188	2.584.706.545
5	Tài sản dài hạn khác	78.321.075.747	79.876.222.527
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**1.356.481.427.106**	**1.478.996.693.858**
III	**NỢ PHẢI TRẢ**	**451.555.425.557**	**602.637.448.264**
1	Nợ ngắn hạn	201.168.294.293	196.189.157.000
2	Nợ dài hạn	250.387.131.264	406.448.291.264
IV	**NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**904.926.001.549**	**876.359.245.594**
1	Vốn chủ sở hữu	904.926.001.549	876.359.245.594
	Trong đó: Vốn góp của chủ sở hữu	*668.509.750.000*	*655.403.460.000*
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**1.356.481.427.106**	**1.478.996.693.858**

II. Kết quả hoạt động SXKD

	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	344.150.881.725	397.881.872.013
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	344.150.881.725	397.881.872.013
4	Giá vốn hàng bán	191.300.726.979	193.009.431.087
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	152.850.154.746	204.872.440.926
6	Doanh thu hoạt động tài chính	3.120.050.059	2.887.497.794
7	Chi phí tài chính	38.501.313.887	28.795.216.482
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*38.501.117.920*	*28.794.957.953*
8	Chi phí bán hàng	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.518.342.855	17.124.493.187
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	101.950.548.063	161.840.229.051
11	Thu nhập khác	17.727.750	-
12	Chi phí khác	-	-
13	Lợi nhuận khác	17.727.750	-
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	101.968.275.813	161.840.229.051
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.972.551.512	8.176.379.438
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	96.995.724.301	153.663.849.613
18	Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu	1.420	2.255